

Bản án số: **39** /2019/HNGĐ-ST

Ngày: 11-11-2019.

V/v “*Tranh chấp xác định con cho cha*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI C, THÀNH PHỐ ĐÀ N**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Đức Hoàng**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Huỳnh Tiễn**.

2. Ông **Hoàng Minh Trinh**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hoàng Hiếu** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ly Na** – Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải C, thành phố Đà N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2019/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2019 về việc “*Tranh chấp xác định con cho cha*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 39 /2019/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Ông **Đỗ Đức C** , sinh năm 1960 - Địa chỉ: Tổ 27 Thanh Khê Đ, quận T, thành phố Đ.

Người đại diện theo ủy quyền : Ông **Ông Quốc C** - Sinh năm 1975- Địa chỉ :93 Yên B, quận C, thành phố Đ. (Có mặt).

***Bị đơn:** Bà **Nguyễn Lê Hải U**, sinh năm 1984 - Địa chỉ : K82/48 Nguyễn V , phường D, quận H, thành phố Đ. (Có mặt).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông **Nguyễn T**, sinh năm 1980 - Địa chỉ: K264/12 Tô H, phường H M, quận L, thành phố Đ.(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 20/6/2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn là ông Ông Quốc C trình bày:

Vào đầu năm 2013 ông C có quen với bà Nguyễn Lê Hải U, lúc này bà U đang ly thân với chồng là ông Nguyễn T. Trong lúc đó ông C và bà U có một lần quan hệ trên mức tình cảm với nhau. Đến ngày 01/01/2014 bà U sinh ra cháu Nguyễn Thị Vân T.

Năm 2017 bà U ly hôn với chồng là ông A; Theo quyết định của Tòa án nhân dân quận Hải C đã ra quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận giữa các đương sự số 324/2017/QĐST-HNGĐ ngày 08/11/2017 về phần con chung bà U nuôi hết 04 người con trong đó có cháu Nguyễn Thị Vân T. Thời gian gần đây ông C có gặp lại bà U và cháu T và do thấy cháu T giống ông C nên ông C đã làm đơn yêu cầu Phân viện Khoa học hình sự TP Đà N tiến hành xét nghiệm ADN mối quan hệ giữa ông C và cháu Vân T. Kết quả xét nghiệm kết luận ông C và cháu Nguyễn Thị Vân T sinh ngày 01/01/2014 có quan hệ huyết thống Cha – Con.

Nay ông C đề nghị Tòa án Công nhận ông Đỗ Đức C là Cha của cháu Nguyễn Thị Vân T sinh ngày 01/01/2014.

**** Bị đơn là bà Nguyễn Lê Hải U trình bày:***

Bà U thống nhất nhất trí với lời trình bày của đại diện Nguyên đơn, bà xác nhận ông Đỗ Đức C là cha ruột của cháu Nguyễn Thị Vân T - Sinh ngày 01.01.2014 và đề nghị Tòa án công nhận ông Đỗ Đức C là cha ruột của cháu Nguyễn Thị Vân T.

**** Tại hồ sơ vụ án Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn T trình bày (theo Biên bản lấy lời khai của ông A ngày 16.8.2019):***

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vợ chồng ông T đang sống hạnh phúc với nhau, không có vấn đề mâu thuẫn nhưng đến năm 2017 thì vợ chồng ly hôn. Thời gian đó không thể là con của ông Đỗ Đức C.

Ngoài ra, ông T cho rằng kết quả giám định mà nguyên đơn đã nộp cho Tòa án là không đúng sự thật nên ông chưa tin tưởng vào kết quả này. Do đó, ông A đề nghị Tòa án tiến hành giám định ADN lại giữa ông Đỗ Đức C và cháu Nguyễn Thị Vân T tại bệnh viện Trung Ương Hà Nội.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải C phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án là tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung, đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Chấp nhận yêu cầu của ông Đỗ Đức C về việc xác định con cho cha là ông Đỗ Đức C là cha của cháu Nguyễn Thị Vân T sinh ngày 01/01/2014.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Thẩm quyền giải quyết vụ án: Nơi cư trú của Nguyễn Lê Hải U, sinh năm 1984 - Địa chỉ: K82/48 Nguyễn Văn L , phường Nam D, quận Hải C, thành phố Đ. Vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Hải C thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Trong quá trình giải quyết vụ án Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thiện Á đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng tại phiên tòa vắng mặt lần hai không có lý do (Tuy nhiên trong biên bản lấy lời khai ông T có đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt ông vì ông bận công việc) nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Vào đầu năm 2013 ông C có quen với bà Nguyễn Lê Hải U. Trong thời gian đó bà U đang ly thân với chồng là ông T, ông C và bà U có một lần quan hệ vượt quá mức tình cảm nên dẫn đến bà U có thai đến ngày ngày 01/01/2014 bà U sinh ra cháu Nguyễn Thị Vân T. Đến cuối năm 2018 ông C cho rằng có gặp lại bà U và Cháu T và do thấy Cháu T giống ông C nên đã làm đơn yêu cầu Phân viện Khoa học hình sự TP Đà Nẵng tiến hành xét nghiệm ADN mối quan hệ giữa tôi và cháu Vân T. Kết quả xét nghiệm kết luận số 57/CO9C(DD) ngày 17/6/2019 xác định ông Đỗ Đức C và cháu Nguyễn Thị Vân T, sinh ngày 01/01/2014 có quan hệ huyết thống Cha – Con.

Đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án để đảm bảo tính khách quan ngày 24/9/2019 Tòa án xét thấy cần Trung cầu giám định ADN giữa ông C và Cháu T; Căn cứ vào kết quả giám định số giám định số 971/CO90C (Đ 5) ngày 02/10/2019 thì cháu Nguyễn Thị Vân T sinh ngày 01/01/2014 là con đẻ của Nguyễn Lê Hải U và ông Đỗ Đức C.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà U cũng xác nhận Cháu T là con của ông C và ông C đồng ý với kết luận Giám định nói trên nên HĐXX xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Đức C về việc xác định Cháu T là con của ông C là có căn cứ được quy định tại Điều 89 và Điều 101 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự cần chấp nhận yêu cầu của ông Đỗ Đức C về việc Công nhận cháu Nguyễn Thị Vân T, sinh ngày 01/01/2014 là con đẻ của ông Đỗ Đức C.

[2.2]. Đối với ý kiến của ông Nguyễn Thiện T: Ông cho rằng Cháu T không phải con ông C, ông không đồng ý với kết luận giám định mà ông C tự đi giám định trước khi khởi kiện và ông đề nghị Giám định tại bệnh viện trung ương Hà Nội và trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cũng đã trưng cầu giám định lại tại Viện Khoa học Hình sự -Phân viện Khoa học Hình sự tại thành phố Đà Nẵng và Tòa án cũng đã triệu tập ông để tham gia phiên họp và hòa giải cũng như tại phiên tòa. Tuy nhiên ông cho rằng ông bận công việc đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt ông. Tòa án cũng đã giải thích thông báo cho ông có ý kiến hay yêu cầu độc lập thì phải cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án để xem xét nhưng ông không có ý kiến phản hồi. Vì vậy HĐXX không có cơ sở để xem xét giải quyết.

[3] Về lệ phí giám định: Ông Đỗ Đức C đã tự nguyện chịu và đã thanh toán xong nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[4] Về án phí: Án phí sơ thẩm là 300.000 đồng ông C phải chịu. Tuy nhiên đại diện Nguyên đơn có đơn xin miễn án phí ; Căn cứ vào Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nên HĐXX cần được chấp nhận nên ông C không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 89 và 101 của Luật Hôn nhân;
- Căn cứ vào Điều 28, 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Công nhận ông **Đỗ Đức C** là cha đẻ của cháu **Nguyễn Thị Vân T**, sinh ngày 01/01/2014.

2. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng nhưng ông Đỗ Đức C thuộc diện miễn nộp tiền án phí. Hoàn trả cho ông Đỗ Đức C số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông C đã nộp theo biên lai thu số 0007260 ngày 02/06/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Ông Nguyễn Thiện A là người có quyền lợi Và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
Đã Ký

Nguyễn Đức Hoàng

